

Phụ lục II
CHI TIẾT TRÍCH LẬP, CHI SỬ DỤNG QUỸ BOG XĂNG DẦU CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI KINH DOANH XĂNG DẦU
(NGUỒN TẠM ỨNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) QUÝ II NĂM 2026
(từ ngày 01/4/2026 đến ngày 30/6/2026)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số tiền nhận tạm ứng từ nguồn NSNN	Số tiền nhận tạm ứng từ nguồn đã trích lập Quỹ BOG	Số dư đầu kỳ từ ngày 01/4/2026	Tổng số tiền trích lập Quỹ BOG trong quý II/2026	Tổng số tiền chi sử dụng Quỹ BOG trong quý II/2026	Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG dương	Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm	Số dư BOG cuối kỳ đến ngày 30/6/2026
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)		293.534.247.600	0	880.711.223.640	293.534.247.600	101.144.524		587.278.120.564
2	Công ty TNHH MTV dầu khí TP. Hồ Chí Minh	13.252.845.600		13.252.845.600	43.263.981.595	607.046.200	10.092.097		55.919.873.092
3	Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần	228.304.045.000	99.776.805.000	228.304.045.000	440.942.538.500	328.080.850.000	24.304.832		341.190.038.332
4	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty xăng dầu Quân đội	20.135.650.000		20.135.650.000	53.983.591.564	7.782.417.650	12.389.601		66.349.213.515
5	Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp	11.392.320.000		11.392.320.000	43.405.287.000	7.113.134.000	6.957.238		47.691.430.238
6	Tổng công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	59.360.554.680		59.360.554.680	106.160.181.449	2.067.709.325	37.602.820		163.490.629.624
7	Công ty cổ phần hóa dầu Quân đội	19.669.440.000		19.669.440.000	23.205.211.800	6.108.925.000	8.845.249		36.774.572.049

8	Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải STS	5.105.000.000		5.105.000.000	14.074.704.400	1.100.000.000	4.088.041		18.083.792.441
9	Công ty cổ phần thương mại đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu								
10	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Hòa Khánh	14.289.475.000		14.289.475.000	18.911.213.125	3.409.322.810	6.513.902		29.797.879.217
11	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Long Hưng	101.159.432.836	1.477.237.164	101.159.432.836	16.547.767.373	105.141.072.450	9.351.338		12.575.479.097
12	Công ty TNHH Hải Linh	2.820.168.950		2.820.168.950	25.853.477.925	2.402.870.500	4.407.566		26.275.183.941
13	Công ty TNHH xăng dầu Hồng Đức	7.645.070.000		7.645.070.000	28.785.085.445	2.601.842.180	6.661.791		33.834.975.056
14	Công ty cổ phần tập đoàn Dương Đông	26.252.710.000	15.000.000.000	26.252.710.000	30.820.788.300	41.252.185.000	2.415.993		15.823.729.293
15	Công ty TNHH Petro Bình Minh	19.000.000.000		19.000.000.000	12.208.921.500	19.000.000.000	2.478.594		12.211.400.094
16	Công ty cổ phần đầu tư Nam Phúc			0	9.774.700.900	5.415.000.000	174.990		4.359.875.890
17	Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Hải Dương	14.000.480.000		14.000.480.000	15.191.029.000	6.865.485.000	5.044.344		22.331.068.344
18	Công ty TNHH xăng dầu Hùng Hậu			0	1.956.617.773	200.890.000	1.290.131		1.757.017.904

19	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư phát triển Trường An	4.665.369.950		4.665.369.950	4.966.256.440	594.150.150	2.638.324		9.040.114.564
20	Công ty cổ phần Anh Phát Petro	112.687.970.000		112.687.970.000	54.123.835.227	6.190.850.836	42.197.649		160.663.152.040
21	Công ty TNHH Xăng dầu Giang Nam	844.595.730		844.595.730	15.508.133.201	844.595.730	1.778.257		15.509.911.458
22	Công ty Cổ phần nhiên liệu Phúc Lâm	10.492.932.400	20.396.417.600	10.492.932.400	32.355.432.400	30.888.450.000	2.136.083		11.962.050.883
23	Công ty cổ phần Phúc Lộc Ninh	5.066.209.600		5.066.209.600	10.538.261.290	1.509.935.370	2.466.865		14.097.002.385
24	Công ty TNHH Vĩnh Long Petro	4.424.483.205		4.424.483.205	1.593.772.560	50.078.837	1.713.648		5.969.890.576
25	Công ty cổ phần Appollo Oil	21.237.810.000		21.237.810.000	670.346.556	461.475.000	12.604.264		21.459.285.820
26	Công ty TNHH xăng dầu Tây Nam S.W.P			0	525.390.400		41.327		525.431.727
Tổng		701.806.562.951	430.184.707.364	701.806.562.951	1.886.077.749.363	873.222.533.638	309.339.468		1.714.971.118.144